

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU CÁC MẶT BIỂU HIỆN CỦA TRÍ TUỆ HỌC SINH TIỂU HỌC

VŨ THỊ LAN ANH*

Đặt vấn đề

Trí tuệ là thành tố quan trọng không thể thiếu được trong cấu trúc nhân cách của con người. Vì thế, có thể nói, phát triển trí tuệ sẽ nhằm phát triển nhân cách. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giáo dục nói chung và mục tiêu giáo dục tiểu học nói riêng là đào tạo con người có nhân cách toàn diện. Muốn phát triển trí tuệ cho học sinh thì cần thiết phải tiếp cận để nắm bắt được năng lực trí tuệ; từ đó có phương hướng, cách thức dạy học phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực trí tuệ của các em. Có nhiều hướng tiếp cận với trí tuệ học sinh như nghiên cứu trí tuệ nói chung hay nghiên cứu trí tuệ qua các biểu hiện cụ thể của nó; nghiên cứu trí tuệ bằng các trắc nghiệm khách quan hay bằng các thực nghiệm thông qua các môn học cụ thể... Ở đây, chúng tôi trình bày sự nghiên cứu của mình về trí tuệ học sinh tiểu học qua các mặt biểu hiện của nó và bằng các thực nghiệm thông qua một môn học cụ thể.

Sự phát triển trí tuệ trẻ em được biểu hiện dưới các mặt (hoặc được đo bằng các chỉ số) sau đây:

Tốc độ định hướng trí tuệ: Là khả năng tái hiện nhanh và tìm kiếm,

lựa chọn nhanh các kiến thức, kinh nghiệm phục vụ cho việc giải quyết một vấn đề nào đó.

Tốc độ khái quát hoá: Là tốc độ khái quát hoá các mối liên hệ, quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, nhất là các sự vật, hiện tượng cùng loại.

Tính tiết kiệm của tư duy: Được xác định bằng số lượng các lập luận tối thiểu, cần thiết để từ đó rút ra một kết luận hay một số đáp số nào đó.

Tính phê phán của trí tuệ: Thể hiện ở việc trẻ em không đi theo con đường mòn, không vừa lòng với kết quả đạt được.

Tính mềm dẻo của trí tuệ: Thể hiện ở:

- Kỹ năng xác lập sự phụ thuộc giữa các dấu hiệu của các thuộc tính và quan hệ của các sự vật, hiện tượng theo trật tự ngược lại với trật tự đã có.

- Kỹ năng đề cập đến một hiện tượng theo những ý kiến khác nhau, phát hiện và phân biệt những dấu hiệu bản chất và không bản chất.

- Trình độ phát triển và sự tương

*Th.s, Khoa Giáo dục tiểu học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

ứng giữa thành phần tư duy trực quan hình tượng và tư duy lý luận khái quát.

Để tìm hiểu các mặt biểu hiện của sự phát triển trí tuệ học sinh tiểu học, chúng tôi sử dụng phương pháp thực nghiệm dựa trên bộ môn Toán của chương trình lớp 4 bậc tiểu học kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khác như: quan sát, thống kê xử lý số liệu...

Qui trình thực nghiệm như sau:

Bước 1: Nghiên cứu, thiết kế các thực nghiệm và tiêu chuẩn phân loại cho từng thực nghiệm. Mỗi thực nghiệm đo một chỉ số và là một bài toán trong chương trình môn toán lớp 4 bậc tiểu học (riêng đo tính mềm dẻo của trí tuệ học sinh tiểu học, sử dụng thực nghiệm là hai bài toán để đo hai biểu hiện khác

nhau). Thực nghiệm đo cả 5 chỉ số được sắp xếp dưới dạng một phiếu bài tập toán.

Bước 2: Tiến hành thực nghiệm (cho học sinh làm phiếu bài tập toán đã soạn sẵn ở bước 1 trong một thời gian nhất định).

Bước 3: Thu phiếu, chấm điểm, thống kê và xử lý số liệu.

Kết quả nghiên cứu

1. Các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học

Sau khi nghiên cứu các mặt biểu hiện của trí tuệ của 195 học sinh lớp 4 ở hai trường tiểu học Thành Công B (99 em) và Tây Tựu B (96 em) tại Hà Nội, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1: Các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học

Mức độ Các chỉ số	I		II		III		IV		\bar{X}
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tốc độ định hướng trí tuệ	36	18,4	69	35,4	72	37	18	9,2	2,63
Tốc độ khái quát hóa	39	20	78	40	66	33,8	12	6,2	2,73
Tính tiết kiệm của tư duy	44	22,6	80	41	60	30,8	11	5,6	2,8
Tính phê phán của trí tuệ	33	16,9	73	37,4	68	34,9	21	10,8	2,6
Tính mềm dẻo của trí tuệ	33	16,9	78	40	72	36,9	12	6,2	2,67
Chung	37	19	74	38,8	69	34,7	15	7,5	

Nhìn chung, kết quả thực nghiệm đo cả 5 chỉ số của sự phát triển trí tuệ học sinh tiểu học đều tập trung vào 2 mức trung bình và khá. Số học sinh đạt mức giỏi và yếu kém ít hơn, và ít nhất là số học sinh ở mức yếu kém.

Khi tính điểm trung bình của năm chỉ số, chúng tôi thấy *tính tiết kiệm của tư duy ở học sinh tiểu học là phát triển nhất* với $\bar{X} = 2,8$. *Đứng thứ hai là tốc độ khái quát hóa* có điểm trung bình bằng 2,73; *thứ 3 là tính mềm dẻo của trí tuệ* có $\bar{X} = 2,67$. *Tốc độ định hướng trí tuệ* xếp thứ tư với $\bar{X} = 2,63$. Cuối cùng, thấp nhất là điểm trung bình của *tính phê phán trí tuệ*, khả năng này chỉ đạt $\bar{X} = 2,6$.

Tính phê phán của trí tuệ học sinh tiểu học đạt kết quả thấp nhất trong 5 chỉ số được đo. Đó là do học sinh tiểu học gặp khó khăn khi lật ngược vấn đề, tìm nhiều cách giải cho một bài toán. Phần nữa là vì thao tác này không đơn giản, đòi hỏi kinh nghiệm, sự quan sát kỹ lưỡng và phải suy luận. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy học, giáo viên thường chú trọng đến việc học sinh làm ra kết quả đúng, kể cả một cách chứ không quan tâm đến việc giúp học sinh lật lại vấn đề để tìm ra nhiều cách giải quyết. Chính vì thế, không thể tránh khỏi việc học sinh đi theo lối mòn cũ và sớm hài lòng với kết quả đạt được.

Một kết quả cũng chỉ nhỉnh hơn kết quả đo tính phê phán trí tuệ một chút, đó là kết quả đo tính mềm dẻo của trí tuệ. Trong phạm vi cho phép, chúng tôi chỉ tiến hành đo 2 kỹ năng thể hiện tính mềm dẻo của trí tuệ là: kỹ năng phân biệt dấu hiệu bản chất và không bản chất của một vấn đề; kỹ năng xác lập mối quan hệ giữa các dấu hiệu của các thuộc tính và quan hệ của các sự vật, hiện tượng theo trật tự ngược với trật tự đã có. Cả 2 kỹ năng này đều đã hình thành nhưng chưa phát triển tốt ở học sinh tiểu học. Khi xem xét một vấn đề, học sinh tiểu học thường đặt ngang hàng dấu hiệu bản chất và không bản chất, mà có khi chúng còn nghiêng hơn đến dấu hiệu hình thức (không bản chất). Vì thế, trong bài dạy của mình giáo viên cần phải phân tích giúp học sinh nhận ra và nắm được dấu hiệu bản chất - dấu hiệu ẩn chứa bên trong, đặc trưng cho một vấn đề. Tuy nhiên, đây không phải là việc đơn giản, nó đòi hỏi phải có sự đầu tư về cả nội dung và

phương pháp, phương tiện của mỗi giáo viên cho bài dạy của mình.

Việc dạy học ít chú trọng đến phân tích vấn đề đã làm cho nhiều học sinh tiểu học chưa nắm được đâu là dấu hiệu bản chất của vấn đề đó. Điều này dẫn đến học sinh hay nhầm lẫn, gặp khó khăn trong việc phân biệt các vấn đề (bài toán) tương tự nhau, từ đó cũng nhầm lẫn hay quên và không dễ dàng huy động được kiến thức cũ để giải quyết vấn đề (bài toán). Chính vì thế có thể lý giải được tại sao tốc độ định hướng trí tuệ của học sinh chưa cao, chỉ xếp thứ tư trong 5 chỉ số trí tuệ được đo.

Thực nghiệm đo tính tiết kiệm của tư duy có kết quả cao nhất trong 5 thực nghiệm đã được tiến hành. Thực nghiệm này là một bài toán "tính nhanh" xuất hiện nhiều trong chương trình môn toán lớp 4 cũng như chương trình môn toán các lớp khác. Vì thế, nó "quen thuộc" hơn và học sinh thực hiện dễ dàng hơn các thực nghiệm khác. Gặp bài toán ở dạng này, nhiều học sinh nhanh chóng nhận ra yêu cầu của đề bài là giảm các bước tính của bài làm xuống mức thấp nhất song vẫn phải đầy đủ và chính xác. Việc làm theo tuân tự thông thường sẽ mất thời gian và tốn nhiều công sức. Chính vì hiểu được điều đó nên ở bài thực nghiệm này, phần lớn các em đã tìm ra cho mình cách tính ngắn gọn hơn cách tính thông thường.

2. Giới tính và các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học

Ảnh hưởng của giới tính đến các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học được thể hiện qua bảng kết quả sau:

Bảng 2: Giới tính và các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học

Chỉ số	Mức độ	I		II		III		IV	
	Khách thể	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tốc độ định hướng trí tuệ	Nam	9	10	34	37	40	43	9	10
	Nữ	25	24	35	34	34	33	9	9
Tốc độ khái quát hóa	Nam	25	27	34	37	29	31	4	4
	Nữ	14	13,5	38	37	43	42	8	8
Tính tiết kiệm tư duy	Nam	24	26	35	38	28	30	5	5
	Nữ	20	19	45	44	32	31	6	6
Tính phê phán trí tuệ	Nam	18	19,5	37	40	23	25	14	15
	Nữ	15	14,5	36	35	45	43,5	7	7
Tính mềm dẻo trí tuệ	Nam	11	12	32	38	42	46	7	8
	Nữ	22	21	46	45	30	29	5	5

Bảng tổng hợp trên cho thấy, ở cả 5 chỉ số được đo đều có sự chênh lệch giữa kết quả nghiên cứu ở học sinh nam và học sinh nữ. Từ đó, có thể rút ra kết luận giới tính có ảnh hưởng đến các mặt biểu hiện của sự phát triển trí tuệ học sinh tiểu học. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của yếu tố này đến từng mặt biểu hiện, từng chỉ số đánh giá có khác nhau. Ví dụ như:

Với chỉ số thứ 4 - tính phê phán của trí tuệ, ở học sinh tiểu học, dấu ấn của giới tính cũng khá đậm nét. Có thể thấy ở các mức độ đều có sự chênh lệch đáng kể: cao nhất là mức độ II với độ lệch 18,5%, tiếp theo ở mức độ IV là 8%, mức độ I và II có độ lệch bằng nhau, đều là 5%. Nhìn chung, khả năng phê phán trí tuệ của cả học sinh nam và học sinh nữ đều chưa cao, tập trung chủ yếu ở mức trung bình và khá. Mặc dù có sự chênh lệch ở các mức độ cụ thể nhưng lại có thể kết luận rằng, khả năng này ở các em nam và nữ là tương đương nhau. Điều này thể hiện ở $\bar{X}_{nam} = 2,64$

và $\bar{X}_{nữ} = 2,57$, độ lệch chỉ có 0,07.

Các em nam có tốc độ khái quát hóa cao hơn các em nữ. Điều đó thể hiện ở tỉ lệ học sinh đạt mức trung bình và yếu kém của chỉ số này ở nữ nhiều hơn nam, còn tỉ lệ học sinh đạt mức độ giỏi của nam lại nhiều hơn nữ. Học sinh ở mức độ khá của nam và nữ là bằng nhau (đều là 37%). Qua thực nghiệm cho thấy, phần lớn các em nam đều đã khái quát được qui luật của dãy số và tìm ra được 2 số còn thiếu (ứng với số học sinh ở mức khá giỏi 64%). Số học sinh tìm sai qui luật nên dẫn đến điền sai ít và đặc biệt số bài bỏ trống của các em nam chỉ có 4%, bằng một nửa số em nữ ở mức độ này. Trong khi đó, tỉ lệ học sinh nữ khái quát sai qui luật, điền số còn thiếu, sai chiếm khá cao (42%), tỉ lệ học sinh nữ điền đúng, khái quát đúng qui luật còn thấp - chỉ có 13,5%. Sở dĩ có hiện tượng trên là do các em nữ nắm bắt vấn đề không nhanh bằng các em nam. Học sinh nam tìm tòi, quan sát

(Xem tiếp trang 53)

tộc khác được diễn ra một cách thường xuyên. Cái chung và cái riêng của từng dân tộc có ảnh hưởng, tác động qua lại lẫn nhau. Điều kiện khách quan này khiến cho đời sống tâm hồn của HS THPT dân tộc Tày, Nùng có những thay đổi nhất định. Bởi vậy, việc nghiên cứu về giao tiếp với bạn bè nói chung, giao tiếp với bạn đồng môn nói riêng của HS THPT dân tộc Tày, Nùng để từ đó có những tác động sư phạm phù hợp, giúp cho lĩnh vực giao tiếp với bạn bè của các em phát triển đúng đắn là một việc làm có ý nghĩa đối với công tác giáo dục học sinh dân tộc. ♣

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. Lê Văn Hồng (chủ biên), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, 1998.
2. PGS.PTS. Ngô Công Hoàn, PGS.PTS Hoàng Anh, *Giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục, 1998.
3. Hoàng Quyết - Tuấn Dũng, *Tục lệ kết tông của dân tộc Tày - Phong tục, tập quán của dân tộc Tày ở Việt Bắc*, NXB Văn hoá dân tộc, 1994.
4. Phương Bằng, "Phường" và một số tục kết nghĩa trong dân dã ở vùng Tày, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3/1986.
5. Hà Văn Thư - Lã Văn Lô, *Văn hoá Tày, Nùng*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1984.

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU...

(Tiếp theo trang 49)

nhanh và khái quát thành cái tổng thể khá nhanh. Học sinh nữ do đi ngay vào chi tiết (tìm quy luật ngay từ 2 số đầu của dãy số) nên dẫn đến bế tắc hoặc khái quát sai qui luật. Bên cạnh đó, yếu tố mới lạ

(bài toán mới, ít làm) có lẽ hấp dẫn các em nam hơn, vì thế các em nhanh chóng vượt qua sự bỡ ngỡ ban đầu để bắt tay ngay vào thực hiện. Ngược lại, yếu tố mới lạ lại dường như làm các em nữ bỡ ngỡ hơn nên lúc đầu các em còn hết sức lúng túng. Vì vậy, có thể nói, chính khả năng thích ứng của các em nam cao hơn nữ đã giúp các em hoàn thành bài thực nghiệm này tốt hơn các em nữ.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu bước đầu cho phép chúng tôi rút ra kết luận sau:

1. Các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học phát triển không đồng đều trong cấu trúc trí tuệ. Kết quả thực nghiệm đo cả 5 chỉ số của sự phát triển trí tuệ học sinh tiểu học đều tập trung vào 2 mức độ trung bình và khá. Số học sinh đạt mức giỏi và yếu kém ít hơn và ít nhất là ở mức yếu kém. Các chỉ số phát triển không ngang nhau: Tính tiết kiệm của tư duy là chỉ số phát triển nhất, tiếp đó lần lượt đến tốc độ khái quát hoá, tính mềm dẻo của trí tuệ, tốc độ định hướng trí tuệ và tính phê phán của trí tuệ là chỉ số phát triển thấp nhất. Giới tính có ảnh hưởng đến các mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của yếu tố này đến từng chỉ số đánh giá, từng mặt biểu hiện của trí tuệ học sinh tiểu học có khác nhau.

2. Việc dạy học ở tiểu học không nên chỉ chú trọng một mặt biểu hiện nào đó của trí tuệ học sinh, mà cần phát triển một cách toàn diện trên tất cả các mặt biểu hiện. Đặc biệt, tính phê phán của trí tuệ và tốc độ định hướng trí tuệ là những biểu hiện còn hạn chế ở học sinh tiểu học, cần tăng cường đổi mới nội dung và phương pháp phù hợp để nâng cao. ♣